

Bản án số: 381/2018/KDTM-PT
Ngày: 16-4-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HCM
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán: **Bà Hà Thanh Thủy**
Bà Nguyễn Thu Chinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố HCM

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên

Trong các ngày 23 tháng 3 năm 2018 và ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố HCM xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 123/2017/KDTM-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân B, Thành phố HCM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1067/2018/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng 1-Tầng 6, Tòa nhà Corner S , 16 PCT, phường T, quận H.K, Thành phố HN.

Đại diện ủy quyền: Ông Phan Nguyễn Ngọc A.– sinh năm 1985 và ông Trần Quang T sinh năm 1981 (Giấy ủy quyền ngày 20/3/2017 và Giấy ủy quyền ngày 24/3/2018) – có mặt

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Sailing T, số 111A đường P., phường B.N, Quận 1, Thành phố HCM

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng N.-sinh năm 1970

Địa chỉ: 56 Đất T, Phường 6, quận Tân B, Thành phố HCM

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Hạnh – sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền ngày 12/9/2017) – có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Bình L - sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1973 – vắng mặt

Địa chỉ: 02 Lô A4, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai 1, số 357 L, phường T.Q, Quận 7, Thành phố HCM

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hằng N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng Q. Việt Nam) và bà Nguyễn Thị Hằng N có ký kết hợp đồng tín dụng số 0576/HĐTD1-VIB601/10 ngày 25/11/2010 với nội dung:

Ngân hàng Q. Việt Nam cho bà Nguyễn Thị Hằng N vay số tiền 1.997.000.000 đồng với mục đích vay góp vốn vào Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Anh. Thời hạn cho vay là 12 tháng với lãi suất 17,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng 01 lần bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh VND kỳ hạn 01 tháng của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,6%/năm, chịu sự điều chỉnh lãi suất của VIB từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 501-27 (Lô A27), tờ bản đồ số 28 phường Phú M, Quận 7, Thành phố HCM thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 578075 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00420QSD/368QĐH2006) do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 12/12/2006 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H, thế chấp cho VIB theo hợp đồng thế chấp số 0576/HĐTC-VIB601/10 ngày 25/11/2010 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Phòng Tài nguyên môi trường Quận 7, Thành phố HCM

Trong quá trình thanh toán, bà N đã trả được cho nguyên đơn số tiền nợ là 499.019.099 đồng tiền nợ gốc và 399.799.401 đồng tiền lãi trong hạn. Sau đó bà N không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn như đã cam kết.

Ngân hàng đã xem xét giảm lãi cho bà N đến 70% nhưng bà N không thực hiện cam kết với Ngân hàng và cũng không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào, vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hằng N trả cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử 01/09/2017 số tiền 4.214.044.300 đồng, trong đó nợ gốc 1.497.980.901 đồng, nợ lãi quá hạn 2.716.053.309 đồng, trả một lần ný khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Bà N tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ 02/9/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bà N không thực hiện việc trả nợ, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hằng N trình bày tại bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải ngày 16/12/2016: Bà Nguyễn Thị Hằng N xác nhận có ký kết hợp đồng tín dụng vay số tiền nợ gốc là 1.997.000.000 đồng. Trong quá trình thanh toán, bà N đã trả được cho nguyên đơn số 499.019.099 đồng tiền nợ gốc và 399.799.401 đồng tiền lãi trong hạn. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hằng N trả cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/12/2016 là 3.975.650.610 đồng trong đó nợ gốc 1.497.980.901 đồng, nợ lãi 2.477.699.709 đồng, bà N xác nhận số tiền nợ gốc đúng như nguyên đơn trình bày. Về số nợ lãi 2.477.699.709 đồng, hiện nay bà N đang gặp khó khăn nên đề nghị nguyên đơn giảm lãi cho bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Tòa án có nhận được bản tự khai gửi qua đường bưu điện ghi tên người tự khai là bà Nguyễn Thị Thu H. Theo bản tự khai, bà H trình bày bà và chồng là ông Trần Bình L có ký kết bản hợp đồng thế chấp số 0576/HĐTC-VIB601/10 với Ngân hàng TMCP Q. Việt Nam để thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố HCM theo Giấy chứng nhận số 00420QSD/368QĐH2006 do UBND Quận 7 cấp ngày 12/12/2006 để đảm bảo cho khoản vay 1.997.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hằng N tại Ngân hàng VIB, với tư cách là người thế chấp tài sản để bảo lãnh cho bà N vay tiền, bà mong ngân hàng tạo điều kiện cho bà N trả nợ vì bà N hiện đang gặp khó khăn. Ông Trần Bình L không có ý kiến trình bày nào liên quan đến vụ án.

Tại bản án số 123/2017/KDTM-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân B, Thành phố HCM đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Q. Việt Nam: Buộc bà Nguyễn Thị Hằng N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Q. Việt Nam số tiền 4.214.044.300 đồng, trong đó nợ gốc 1.497.980.901 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/09/2017 là 2.716.053.309 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hằng N không trả đầy đủ, đúng hạn số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Việt Nam có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H đối với thửa đất số 501-27 (Lô A27), tờ bản đồ số 28 khu phố 2, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố HCM thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH578075 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00420QSD/368QĐH2006) do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 12/12/2006 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0576/HĐTC-VIB601/10 ngày 25/11/2010.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2017, Bị đơn bà Nguyễn Thị Hằng N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 123/2017/KDTM-ST ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân B, Thành phố HCM

Tại phiên Toà phúc thẩm:

Đại diện bị đơn: Đề nghị Ngân hàng Q. Việt Nam giảm lãi suất và cho bị đơn có thêm thời gian thanh toán nợ.

Đại diện nguyên đơn: Ngân hàng đã xem xét giảm lãi cho bà N nhưng bà N không thực hiện cam kết với Ngân hàng và cũng không trả thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào, vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM phát biểu – đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm vì bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc kháng cáo của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hằng N làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét, ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hằng N:

[3] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0576/HĐTD1-VIB601/10 ngày 25/11/2010 giữa Ngân hàng Q. Việt Nam và bà Nguyễn Thị Hằng N, với nội dung: Ngân hàng Q. Việt Nam cho bà Nguyễn Thị Hằng N vay số tiền 1.997.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất 17,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng 01 lần bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh VND kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng Q. Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,6%/năm, chịu sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Q. Việt Nam từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã trả được cho nguyên đơn số tiền nợ: 499.019.099 đồng tiền nợ gốc và 399.799.401 đồng tiền lãi trong hạn và tính đến ngày 01/09/2017, bà N còn nợ số tiền 4.214.044.300 đồng, trong đó nợ gốc 1.497.980.901 đồng, nợ lãi quá hạn 2.716.053.309 đồng. Tại phiên tòa, đại diện bà Nguyễn Thị Hằng N cũng thừa nhận còn thiếu Ngân hàng số tiền

nợ gốc nêu trên. Vì vậy cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hằng N thanh toán cho Ngân hàng Q. Việt Nam là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đoàn Thị Hạnh – Đại diện bà Nguyễn Thị Hằng N yêu cầu xem xét lại mức lãi của Ngân hàng Q. Việt Nam; Hội đồng xét xử, xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0576/HĐTD1-VIB601/10 ngày 25/11/2010 thì giao dịch giữa Ngân hàng Q. Việt Nam và bà Nguyễn Thị Hằng N là quan hệ hợp đồng tín dụng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Tại Khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất...”; do vậy việc ngân hàng căn cứ vào hợp đồng để tính mức lãi suất quá hạn là 33%/năm với số tiền lãi 2.716.053.309 đồng từ ngày 26/11/2011 đến ngày 01/9/2017 là đúng quy định pháp luật, cấp sơ thẩm buộc bà N trả số tiền lãi quá hạn còn thiếu nêu trên là đúng theo hợp đồng hai bên đã ký nên với yêu cầu kháng cáo của bà N là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của đại diện bà N đề nghị Ngân hàng Q. Việt Nam cho bà N thêm thời gian trả nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy thời gian bà Nguyễn Thị Hằng N mượn nợ đã lâu, tuy nhiên từ sau khi bà N đã trả được cho nguyên đơn số tiền nợ 499.019.099 đồng tiền nợ gốc và 399.799.401 đồng tiền lãi trong hạn đến nay không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho nguyên đơn, là vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng số 0576/HĐTD1-VIB601/10 ngày 25/11/2010, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, vì vậy yêu cầu kháng cáo này của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 501-27 (Lô A27), tờ bản đồ số 28 phường Phú M, Quận 7, Thành phố HCM thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 578075 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00420QSD/368QĐH2006) do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 12/12/2006 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H, thế chấp cho Ngân hàng Q. Việt Nam theo hợp đồng thế chấp số 0576/HĐTC-VIB601/10 ngày 25/11/2010 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Phòng Tài nguyên môi trường Quận 7, Thành phố HCM là hợp pháp, vì vậy Ngân hàng Q. Việt Nam yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ trong trường hợp bà N không thực hiện việc trả nợ hoặc trả không đầy đủ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hằng N, giữ nguyên án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM.

[8] Các nội dung khác không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[9] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do bác kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Hằng N nên bà phải chịu án phí 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hằng N

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Q. Việt Nam:

Buộc bà Nguyễn Thị Hằng N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Q. Việt Nam số tiền 4.214.044.300 (bốn tỷ hai trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm) đồng, trong đó nợ gốc 1.497.980.901 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 01/09/2017 là 2.716.053.309 đồng.

Lãi tiếp tục tính trên dư nợ vốn thực nợ, kể từ ngày 02/9/2017 cho đến ngày bà Nguyễn Thị Hằng N thực trả hết nợ vốn, theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Hằng N thanh toán xong các khoản tiền nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Việt Nam có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00420QSDĐ/367QĐH2006 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 12/12/2006 cho ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0576/HĐTC-VIB601/10 ngày 25/11/2010

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hằng N không trả đầy đủ, đúng hạn số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Việt Nam có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của ông Trần Bình L và bà Nguyễn Thị Thu H đối với thửa đất số 501-27 (Lô A27), tờ bản đồ số 28 khu phố 2, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố HCM thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH578075 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00420QSDĐ/368QĐH2006) do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 12/12/2006 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0576/HĐTC-VIB601/10 ngày 25/11/2010.

4. Về án phí.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hằng N chịu 112.214.044 (một trăm mười hai triệu hai trăm mười bốn ngàn không trăm bốn mươi bốn) đồng;

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q. Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.486.712 (bốn mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm mười hai) đồng theo biên lai thu số ngày 06346 ngày 07/3/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân B, Thành phố HCM .

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được cân trừ vào tiền tạm nộp án phí 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0006846 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân B, Thành phố HCM . Bà Nguyễn Thị Hằng N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ný.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. Tân B;
- Chi cục THADS Q.Tân B;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Thu Chinh

Hà Thanh Thủy

Nguyễn Thị Trinh